TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO **TÒA PHÚC THẨM** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2025/HC-PT
Ngày 09 tháng 9 năm 2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐICAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 439/2025/TLPT-HC ngày 10/6/2025về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2025/HC-ST ngày 06/3/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 979/2025/QĐPT-HC ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Phương M, sinh năm 1967. Địa chỉ: I Đường số B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là I Đường số B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T, sinh năm 1970. Địa chỉ: 5 B đường N, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Phương M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện 19/3/2024, bà Nguyễn Thị Phương M yêu cầu Tòa án hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 9846/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện B; Buộc UBND huyện B bồi thường diện tích 462,1m^2 để thực hiện xây lắp trụ diện trong Dự án Vành đai 3 với giá đất sản xuất kinh doanh.

Theo Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 15/8/2024, bà M yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện B về giải quyết khiếu nại.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý các yêu cầu khởi kiện của bà Mai M như sau: Hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 9846/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện B; Buộc UBND huyện B bồi thường diện tích 462,1m^2 để thực hiện xây lắp trụ diện trong Dự án Vành đai 3 với gía đất sản xuất kinh doanh. Và hủy Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 279/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện B về giải quyết khiếu nại (sau đây gọi tắt là Quyết định GQKN số 1232).

Theo Bản tự khai ngày 06/9/2024, đại diện theo ủy quyền của bà Mai M trình bày căn cứ khởi kiện như sau:

UBND huyện B ban hành Quyết định số 9846/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 và Chủ tịch UBND huyện B giải quyết khiếu nại theo Quyết định GQKN số 1232/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 là chưa xem xét, xác minh đầy đủ về vị trí đất, nguồn gốc đất của bà M sử dụng hợp pháp dẫn đến áp giá bồi thường không phù hợp qui định pháp luật; Cụ thể:

Về vị trí, nguồn gốc, quá trình kê khai, sử dụng phần diện tích đất bị thu hồi có diện tích 462,1m^2 để thực hiện xây lắp trụ diện trong dự án Vành đai 3.

Vào ngày 16/11/1994, bà M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trần Văn Q theo Tờ hợp đồng xin được chuyển quyền sử dụng đất có chứng thực của UBND xã L, huyện B khoảng 1.300m^2 đất thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 02 tại xã L;

Theo Báo cáo thuyết minh ngày 21/11/1994 của Phòng nông nghiệp - thủy lợi huyện B thì thửa đất số 15, tờ bản đồ số 02 tại xã L có tổng diện tích là 1.420m^2, trong đó diện tích lộ giới là 234m^2, diện tích sử dụng 1.186m^2; thửa đất này thuộc khu thổ cư vùng kinh tế mới cấp cho gia đình ông Lư Thanh H1. Đến năm 1992, ông H1 chuyển nhượng cho ông Trần Văn Q, sau đó ông Q xin chuyển nhượng

lại cho bà M để xây dựng cơ sở sản xuất bao bì. Ông Q có đăng ký bổ sung theo Chỉ thị 299, được UBND xã L chấp thuận và chuyển về huyện B xét giải quyết;

Theo Văn bản số 967/UB-QLĐT ngày 15/4/1995 về việc giải quyết địa điểm xây dựng của UBND Thành phố H thì UBND Thành phố H chấp thuận cho bà M sử dụng 1.186m^2 đất thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 02 tại xã L, huyện B xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh bao bì carton;

Ngày 04/9/1999, bà M thực hiện việc đăng ký kê khai nhà đất theo quy định và được UBND xã L xác nhận vào Tờ đăng ký nhà đất về nhà văn phòng, kho xưởng và các đặc điểm của thửa đất;

Về Dự án đường dây tải điện 500KV P - P trên địa bàn huyện B

Năm 2004, Dự án đường dây tải điện 500KV Pleiku – P trên địa bàn huyện B băng qua thửa đất số 15, tờ bản đồ số 02 tại xã L, huyện B của bà M đang sử dụng thì nhà văn phòng, kho xưởng sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng trên diện tích đất là 782,83m^2 nên được bồi thường di dời, hỗ trợ thiệt hại về quyền sử dụng đất nhưng không bị thu hồi đất theo quy định pháp luật;

Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Vì ít hiểu biết pháp luật và lo toan kiếm sống do hoàn cảnh khó khăn nên bà M chưa có điều kiện đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm mặt bằng sản suất kinh doanh cho thửa đất mà bà M đang sử dụng hợp pháp.

Đến ngày 09/4/2009, được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số thửa 505, tờ bản đồ số 09, tọa lạc xã L, huyện B với diện tích đất được công nhận sử dụng là 290,7m^2 (782,83m^2 không bị thu hồi không được công nhận), đất trồng cây lâu năm mà không là đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh theo như các tài liệu, chứng cứ được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận và theo hiện trạng.

Lý do khởi kiện và căn cứ pháp lý:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ về vị trí, nguồn gốc, quá trình kê khai, sử dụng phần diện tích đất bị thu hồi có diện tích 462,1m^2 để thực hiện xây lắp trụ diện trong Dự án Vành đai 3 thì bà M có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật đất đai 2013:

"Điều 75. Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này;

người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp …".

Nên bà M được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo khoản 1 Điều 80 Luật Đất đai 2013: "Điều 80. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở khi Nhà nước thu hồi đất, nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này thì được bồi thường bằng đất có cùng mục đích sử dụng; trường hợp không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo thời hạn sử dụng đất còn lại đối với đất sử dụng có thời hạn ".

Theo hướng dẫn của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì: "Điều 7. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân

Việc bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều 80 của Luật đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất phi nông nghiệp khác có thời hạn sử dụng ổn định lâu dài mà có đủ điều kiện được bồi thường theo quy định của pháp luật khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường về đất theo giá đất ở".

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

** Người bị kiện UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B có Bản tự khai trình bày như sau:*

Căn cứ Đơn khiếu nại ngày 26/12/2023 của bà Nguyễn Thị Phương M, cư trú: 92 Đường số B, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, khiếu nại đối với Quyết định số 9846/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện B về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Nguyễn Thị Phương M bị ảnh hưởng Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường V, tại xã L, huyện B, với nội dung: "Yêu cầu bồi thường phần diện tích bị thu hồi 462,1m^2 với đơn giá đất sản xuất kinh doanh".

2.2. Đối với nội dung yêu cầu bồi thường phần đất diện tích 462,1m^2 thuộc một phần thửa 121, tờ bản đồ số 09, tài liệu Bản đồ địa chính bị ảnh hưởng trong Dự án theo 60% đơn giá đất ở (do đất có nguồn gốc là đất thổ cư, mục đích sản xuất kinh doanh).

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí đất do Công ty TNHH MTV T1 lập ngày 10/5/2023 (SHĐ: 33/HĐĐĐ-BBT), được Ủy ban nhân dân xã L xác nhận ngày

11 tháng 7 năm 2023, bà Nguyễn Thị Phương M ký xác nhận, thể hiện phần đất bà Nguyễn Thị Phương M sử dụng bị thu hồi để thực hiện Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh, tại xã L, huyện B có tổng diện tích 462,1m^2 thuộc một phần thửa 121 tờ bản đồ số 09 theo tài liệu BĐĐC (tương ứng một phần các thửa 19, 20, tờ bản đồ số 02 theo tài liệu 299/TTg), Bộ địa chính xã L.

Căn cứ Giấy xác nhận số 6018/GXN-UBND ngày 11/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã L, có xác nhận nguồn gốc phần đất 462,1m^2 thuộc một phần thửa 65 tờ bản đồ số 117 theo tài liệu BĐĐC (tương ứng một phần thửa 85, tờ bản đồ số 07 theo tài liệu 299/TTg) chưa được cấp giấy chứng nhận do bà Nguyễn Thị Phương M trực tiếp sử dụng. Nguồn gốc sử dụng đất: theo tài liệu 299/TTg thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 02 do ông Nguyễn Văn R đăng ký; thửa đất số 20, tờ bản đồ số 02 do UBND xã L đăng ký nhưng thực tế ông Nguyễn Văn R và Ủy ban nhân dân xã không trực tiếp quản lý sử dụng mà phần đất này do ông Lư Thanh H1 được cấp theo diện kinh tế mới vào năm 1977; đến năm 1992 ông Lư Thanh H1 chuyển nhượng lại cho ông Trần Văn Q (ông Q có đăng ký bổ sung vào tài liệu 299/TTg; Đến năm 1994, ông Trần Văn Q chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Phương M (theo Tờ hợp đồng xin chuyển quyền sử dụng đất có xác nhận của UBND xã ngày 19/11/1994) sử dụng ổn định cho đến nay.

Căn cứ Công văn số 967/UB-QLĐT ngày 15/4/1995 của UBND Thành phố H về việc giải quyết địa điểm xây dựng, qua đó "chấp thuận cho bà Nguyễn Thị Phương M sử dụng khu đất có vị trí tại điểm thuộc xã L, huyện B, diện tích dự kiến sử dụng là 1.186m^2 để đầu tư xây dựng cơ sở gia công bao bì giấy carton từ nguyên liệu giấy cuộn".

Căn cứ Phiếu chuyển cắm mốc giao đất số 124/KTST-QH ngày 05/7/1995 của Kiến trúc sư trưởng Thành phố gửi cho Sở Địa chính Thành phố để thực hiện trình tự cấp đất xây dựng theo Quyết định số 1295/QĐ-UB-QLĐT ngày 27/8/1993 của UBND Thành phố đối với cơ sở P.

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Phần IV Mục B Phương án số 174/PAĐB-HĐĐB ngày 07 tháng 8 năm 2002 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Đường dây tải điện 500KV Pleiku - P về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án mở rộng trạm biến áp E và xây dựng đường dây tải điện 500KV Pleiku - P đoạn tuyến thuộc huyện B được phê duyệt theo Quyết định số 4524/QĐ-UB ngày 05/11/2002, có quy định đơn giá đất để tính đền bù đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm mặt tiền đường Tỉnh lộ 10 (nay là đường T) là 120.000 đồng/m^2.

Căn cứ Phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại di dời số 291/PA-UB ngày 05 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Đường dây tải điện 500KV Pleiku - P trên địa bàn huyện B.

Theo đó, bà Nguyễn Thị Phương M đã được hỗ trợ phần diện tích đất bị ảnh hưởng trong dự án Đường dây tải điện 500KV P - P trên địa bàn huyện B theo mức hỗ trợ đất chuyên dùng là 420.000 đồng/m^2 (540.000 đồng (1.400.000 đồng

x 60% - 300.000 đồng) - 120.000 đồng = 420.000 đồng) không bị thu hồi đất mà chỉ giảm công năng sử dụng.

Căn cứ Quyết định số 3400/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND huyện B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Phương M để thực hiện Dự án Thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh, qua đó đã tính bồi thường phần diện tích đất thuộc một phần thửa 18, 19 tờ bản đồ số 02, theo tài liệu 299/TTg với đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm vị trí 1 đường T.

Như vậy, phần đất 462,1m^2 bị thu hồi để thực hiện Dự án do bà Nguyễn Thị Phương M sử dụng trước đây đã được chấp thuận chủ trương chuyển mục đích thành đất sản xuất, kinh doanh nhưng không có quyết định giao, thuê đất; đã được bồi thường, hỗ trợ về đất do bị giảm công năng sử dụng đất từ đất sản xuất, kinh doanh sang đất nông nghiệp trồng cây hàng năm và công trình, vật kiến trúc trên đất bị ảnh hưởng trong dự án đường dây tải điện 500KV Pleiku - P. Đất có vị trí 1 đường T.

Bà Nguyễn Thị Phương M khiếu nại yêu cầu bồi thường phần đất diện tích 462,1m^2 thuộc một phần thửa 121, tờ bản đồ số 09, tài liệu Bản đồ địa chính bị ảnh hưởng trong Dự án theo 60% đơn giá đất ở (do đất có nguồn gốc là đất thổ cư, mục đích sản xuất kinh doanh) là không có cơ sở.

Từ những cơ sở trên, ngày 27 tháng 02 năm 2024, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1232/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Phương M, cư trú: 92 Đường số B, Phường B, Quận B (lần đầu) là đúng quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2025/HC-ST ngày 06/3/2025 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Điều 3, Điều 32, Điều 116, Điều 123, Điều 143, Điều 157, Điều 193, Điều 194 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương M về yêu cầu: Hủy Quyết định số 9846/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện B và Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện B về giải quyết khiếu nại; về buộc UBND huyện B bồi thường diện tích 462,1m^2 để thực hiện xây lắp trụ diện trong Dự án Vành đai 3 với giá đất sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/3/2025, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Phương M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Minh T trình bày: Bà M nhận chuyển nhượng hợp pháp diện tích 1.300m^2 đất của ông Trần Văn Q thuộc thửa 15, tờ bản đồ số 02 theo tài liệu 299/TTg (sau này cơ quan quản lý điều chỉnh thành các thửa 18, 19 hoặc 19, 20, tờ bản đồ số 02 theo tài liệu 299/TTg) nhưng chính sách bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho tôi của UBND huyện B trên các diện tích đất bị thu hồi trong cùng một thửa 15, tờ bản đồ số 02 là khác nhau về loại đất, đơn giá đất bồi thường. Cụ thể: Diện tích 66,6m^2 được bồi thường với loại đất, đơn giá đất là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm theo Quyết định số 11007/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện B. Còn diện tích 462,1m^2 được bồi thường với loại đất, đơn giá đất là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm theo Quyết định số 9846/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện B. Cả hai phần diện tích vừa nêu trên đều chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bản án sơ thẩm không xem xét tình tiết này gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp cho bà M đối với việc bồi thường phần diện tích 462,1m^2 của UBND huyện B. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm vì quyết định không đúng quy định của pháp luật

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không có vi phạm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương M là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phương M làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Về nội dung:

[4] Đối với Quyết định số 9846/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Phương M; Xét:

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí đất số 33/HĐĐĐ-BBT do Công ty TNHH MTV T1 lập ngày 10/5/2023, thể hiện phần đất bà Nguyễn Thị Phương M sử dụng bị thu hồi để thực hiện Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh, tại xã L, huyện B có diện tích 462,1m^2 thuộc một phần thửa 121, tờ bản đồ số 09, theo tài liệu BĐĐC (tương ứng một phần các thửa 19, 20, tờ bản đồ số 02 theo Tài liệu 299/TTg), Bộ địa chính xã L.

Căn cứ Giấy xác nhận số 6018/GXN-UBND ngày 11/7/2023 của UBND xã L, có xác nhận nguồn gốc phần đất 462,1m^2 thuộc một phần thửa 65, tờ bản đồ số 117 theo tài liệu BĐĐC (tương ứng một phần thửa 85, tờ bản đồ số 07 theo tài liệu 299/TTg) chưa được cấp giấy chứng nhận, do bà Nguyễn Thị Phương M trực tiếp sử dụng.

Theo Tài liệu 299/TTg thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 02 do ông Nguyễn Văn R đăng ký; Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 02 do UBND xã L đăng ký nhưng thực tế ông Nguyễn Văn R và UBND xã không trực tiếp quản lý sử dụng mà phần đất này do ông Lư Thanh H1 được cấp theo diện kinh tế mới vào năm 1977, đến năm 1992 ông Lư Thanh H1 chuyển nhượng lại cho ông Trần Văn Q (ông Q có đăng ký bổ sung vào tài liệu 299/TTg) đến năm 1994, ông Trần Văn Q chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Phương M (theo Tờ hợp đồng xin chuyển quyền sử dụng đất có xác nhận của UBND xã ngày 19/11/1994) sử dụng ổn định cho đến nay.

Ngày 15/4/1995, UBND Thành phố H ban hành Công văn số 967/UB-QLĐT về việc giải quyết địa điểm xây dựng, "chấp thuận cho bà Nguyễn Thị Phương M sử dụng khu đất có vị trí tại điểm thuộc xã L, huyện B, diện tích dự kiến sử dụng là 1.186m^2 để đầu tư xây dựng cơ sở gia công bao bì giấy carton từ nguyên liệu giấy cuộn".

Ngày 05/7/1995, Kiến trúc sư trưởng Thành phố có Phiếu chuyển cắm mốc giao đất số 124/KTST-QH gửi cho Sở Địa chính Thành phố H để thực hiện trình tự cấp đất xây dựng theo Quyết định số 1295/QĐ-UB-QLĐT ngày 27/8/1993 của UBND Thành phố đối với cơ sở P. Tuy nhiên, bà M đã tự xây dựng xưởng để hoạt động mà chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất.

Năm 2002, Dự án đường dây tải điện 500KV Pleiku - P (đoạn qua huyện B) bà M bị ảnh hưởng phần diện tích 927,96m^2 đất dưới hành lang Nhà nước đã hỗ trợ 60% đơn giá đất chuyên dùng 420.000 đồng/m^2 đối với diện tích 782,83m^2 (trong đó có phần diện tích 462,1m^2 nằm trong Dự án thành phần 2 đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh bị thu hồi), còn lại 145,13m^2 có nguồn gốc đất công không hỗ trợ và bồi thường toàn bộ 1.189,92m^2 nhà, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Phần IV Mục B Phương án số 174/PAĐB-HĐĐB ngày 07/8/2002 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng

Dự án Đường dây tải điện 500KV Pleiku - P và Phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại di dời số 291/PA-UB ngày 05/8/2004 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Đường dây tải điện 500KV Pleiku - P trên địa bàn huyện B.

Cách tính 1m^2 hỗ trợ như sau: (1.400.000đồng x 60% - 300.000đồng) - 120.000 đồng = 420.000đồng/m^2); Trong đó: 1.400.000 đồng là đơn giá bồi thường đất ở theo Phương án; 300.000đồng là đơn giá đất ở theo Quyết định 05/QĐ-UB-QLĐT ngày 04/01/1995 của UBND Thành phố; *120.000 đồng là đơn giá bồi thường đất nông nghiệp trồng cây hàng năm*.

Xét thấy, phần đất 462,1m^2 bị thu hồi để thực hiện Dự án do bà Nguyễn Thị Phương M sử dụng trước đây đã được chấp thuận chủ trương chuyển mục đích thành đất sản xuất, kinh doanh nhưng **không có quyết định giao, thuê đất và bà M cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ về việc nộp tiền sử dụng đất sản xuất kinh doanh**; nên chỉ được bồi thường, hỗ trợ về đất do bị giảm công năng sử dụng đất từ đất sản xuất, kinh doanh sang đất nông nghiệp trồng cây hàng năm và công trình, vật kiến trúc trên đất bị ảnh hưởng trong dự án đường dây tải điện 500KV Pleiku - P.

Đất của bà Nguyên Thị Phương M1 bị thu hồi 462,1m^2 là đất trồng cây hàng năm có vị trí 1 đường T, nên Quyết định số 9846/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện B xác định là đơn giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm với đơn giá với 4.788.000 đông/m^2 để bồi thường cho bà Nguyễn Thị Phương M là phù hợp quy định pháp luật.

Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 9846/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện B và yêu cầu UBND huyện B bồi thường diện tích 462,1m^2 với giá đất sản xuất kinh doanh là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện B về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Phương M:

Như đã nhận định nêu trên, việc UBND huyện B ban hành Quyết định số 9846/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho bà M để thực hiện dự án thành phần B, đường V đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định của pháp luật. Nên, Quyết định Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện B có nội dung bác khiếu nại của bà M là phù hợp.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phương M; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương M phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Luật Đất đai năm 2013;

Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND thành phố H; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phương M; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2025/HC-ST ngày 06/3/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương M về yêu cầu: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương M về yêu cầu: Hủy Quyết định số 9846/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện B và Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện B về giải quyết khiếu nại; về buộc UBND huyện B bồi thường diện tích 462,1m^2 để thực hiện xây lắp trụ diện trong Dự án Vành đai 3 với giá đất sản xuất kinh doanh.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương M phải nộp 300.000 đồng; được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0070397 ngày 15/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCT&KSXXPT tại TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- THADS TP.HCM; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (2)
- Lưu VT (5), HS (2) (Án-Tâm).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết Trinh